TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST Ngày: 28-02-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Ngọc Điệp;

Ông Ngô Văn Đơn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 472/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Số B, đường N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; thường trú: Số B, đường C, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số A, đường C, khu phố B, phường P thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/11/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 2017, được sự đồng ý của gia đình hai bên và tổ chức lễ cưới nhưng nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn.

Bà L và ông T chỉ chung sống với nhau trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017 tại nhà ông T địa chỉ phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (không nhớ số nhà). Đến tháng 7 năm 2017, ông T đã chung sống và có con với người phụ nữ khác. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, gia đình không hạnh phúc. Hiện nay, ông T đã kết hôn và có con với người phụ nữ khác.

Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà L và ông Thiên C 01 con chung tên Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/11/2017. Hiện nay, cháu T1 đang sống với ba mẹ ruột của bà L tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường cãi nhau. Nay bà L yêu cầu không công nhận vợ chồng thì ông đồng ý. Hiện nay, ông T đã kết hôn với người phụ nữ khác và có 03 con chung.

Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/11/2017; khi ly hôn, ông T đồng ý để bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về quan hệ pháp luật: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp ly hôn, nuôi con" là chưa phù hợp với yêu câu khởi kiện của nguyên đơn vì trong vụ ản này nguyên đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đon và bị đơn nên cần xác định qua hệ tranh chấp trong vụ án này là "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con".

+ Về nội dung: Tại Văn bản số 05/UBND-TP ngày 06/01/2025 của UBND phường P đã cung cấp thông tin như sau "Qua kiểm tra sổ bộ H về việc đăng ký kết hôn năm 2017 được lưu trữ tại UBND phường P không có thông tin giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số 3/2017 ghi nhận thông tin kết hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L". Như vậy, căn cứ vào xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định ông T và bà L có chung sống với nhau như vợ chồng trong khoảng thời gian từ tháng

01/2017 đến tháng 6/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T có chung có chung với nhau 01 người con là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/11/2017. Khi ly hôn, bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn T, đề nghị giải quyết con chung. Tại Thông báo số 01/TB-TA ngày 05/02/2025, Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng quy định pháp luật tương ứng để giải quyết vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn T địa chỉ tại số A, đường C, khu phố B, phường P thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L1, bị đơn ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T thống nhất trình bày ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2017 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Tại Công văn số 05/UBND-TP ngày 06/01/2025, Ủy ban nhân dân phường P đã cung cấp thông tin như sau: "Qua kiểm tra sổ bộ H về việc đăng ký kết hôn năm 2017 được lưu trữ tại UBND phường P không có thông tin giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số 3/2017 ghi nhận thông tin kết hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L" (bút lục số 30). Tòa án xác minh tại nơi ông T và bà L đã sinh sống để xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong khi hai người chung sống như vợ chồng thì địa phương không rõ, tuy nhiên, hiện nay, ông T đã kết hôn với người phụ nữ khác và có 03 con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa

bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có một người con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/11/2017, xét thấy con chung hiện đang sống với bà L và cháu Nguyễn Đức T1 có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà L, bà L yêu cầu giao con cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, do đó, để ổn định môi trường sống, học tập của con chung nên giao con chung là Nguyễn Đức T1 cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con" là chưa phù hợp. Về nội dung: đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 203, các Điều: 228, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/11/2017 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung; nợ chung: Không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008670 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thị Kim Thoa